

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 23/02/2024.
V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng
Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Mậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 544/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh N, sinh năm: 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp HT, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG.

- Bị đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm: 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp HT, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Huỳnh N trình bày:

- Về hôn nhân: Vào năm 2008 qua sự mai mối, chị Huỳnh N và anh Phan Văn L đi đến hôn nhân, chị N và anh L được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/7/2010. Trong quá

trình chung sống với nhau, anh L sống rất tệ bạc với chị, anh L thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình. Từ đó, chị và anh L thường xuyên cự cãi nhau, đôi khi còn xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trong một thời gian dài, vì vậy đến cuối năm 2023 chị N đi làm công nhân ở tỉnh Bình Dương cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nên chị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn L.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống với nhau chị N và anh L có 02 người con chung tên Phan Huỳnh A, sinh ngày 28/8/2009 và Phan Huỳnh Đ, sinh năm 23/02/2017. Hiện cháu Huỳnh Anh đang do anh L nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị N đồng ý giao cháu Huỳnh Anh cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng; chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huỳnh Đ cho đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản và nợ chung*: Chị N xác định chị và anh L không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Văn L trình bày:*

- *Về hôn nhân*: Anh Phan Văn L thống nhất L trình bày của chị Huỳnh N về quá trình hai người đi đến hôn nhân là đúng; mâu thuẫn giữa anh và chị N không có gì lớn, trong cuộc sống vợ chồng anh và chị N có cự cãi nhau, đôi khi có xô xát lẫn nhau nhưng chị N trình bày anh không lo cho vợ con là không đúng. Anh thừa nhận rằng anh có uống rượu nhưng anh vẫn đi làm bình thường chứ không bỏ bê công việc làm ăn mà không lo cho vợ con. Vào cuối năm 2023 chị N đưa người con chung là cháu Phan Huỳnh Đ bỏ nhà đi cùng, anh có tìm kiếm chị N nhưng không gặp; anh vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, nếu chị N cương quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

- *Về con chung*: Anh L xác định anh và chị N có 02 người con chung tên Phan Huỳnh A, sinh ngày 28/8/2009 và Phan Huỳnh Đ, sinh năm 23/02/2017. Nếu ly hôn anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 người con chung cho đến tuổi thành niên và anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 người con chung.

- *Về tài sản và nợ chung*: Quá trình chung sống với nhau anh và chị N không có tạo lập được tài sản chung nào và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

** Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày như sau:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Huỳnh N được ly hôn với anh Phan Văn L; Về con chung: Giao cháu Phan Huỳnh A, sinh ngày 28/8/2009 cho anh Phan Văn L và giao cháu Phan Huỳnh Đ, sinh năm 23/02/2017 cho chị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: không đặt ra xem xét vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị N phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo đơn khởi kiện chị Huỳnh N yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn L, xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn anh Phan Văn L có nơi cư trú tại ấp HT, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG nên thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và L khai của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở xác định: Chị Huỳnh N và anh Phan Văn L xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

01/7/2010. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về tình trạng hôn nhân HĐXX thấy rằng: Trong quá trình chung sống với nhau, chị N cho rằng giữa chị và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do anh L thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình dẫn đến việc thường xuyên cự cãi nhau, đôi khi còn xô xát lẫn nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, vì vậy mà từ cuối năm 2023 chị N đã đi làm xa nhà và cũng từ đó chị và anh L bắt đầu sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị N và anh L không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, anh L thừa nhận anh có uống rượu nhưng anh uống rượu vào buổi chiều và sáng ngày hôm sau anh vẫn đi làm bình thường chứ không bỏ bê công việc làm ăn, anh vẫn lo cho vợ cho con. Tuy nhiên, giữa anh và chị N cũng có cự cãi nhau, đôi khi có xô xát lẫn nhau, anh vẫn còn tình cảm với chị N nên anh không đồng ý ly hôn; nếu chị N cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Phía chị N cho rằng trong thời gian chung sống với nhau, anh L sống tệ bạc với chị và hiện nay chị không còn tình cảm gì với anh L nữa nên không thể hàn gắn và chung sống với nhau được. Vì vậy, chị N cương quyết ly hôn với anh L. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; HĐXX chấp nhận cho chị Huỳnh N được ly hôn với anh Phan Văn L.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Chị N và anh L đều xác nhận quá trình chung sống với nhau anh chị có 02 người con chung tên Phan Huỳnh A, sinh ngày 28/8/2009 và Phan Huỳnh Đ, sinh năm 23/02/2017.

Xét yêu cầu nuôi con của chị N là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; Từ khi chị N và anh L sống ly thân với nhau thì cháu Phan Huỳnh Đ được chị N nuôi dưỡng cho đến nay, đồng thời tại biên bản ghi ý kiến của cháu Huỳnh Đ cũng thể hiện cháu Huỳnh Đ có nguyện vọng được sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Vì vậy, việc giao cháu Huỳnh Đ cho chị N được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Đối với yêu cầu được dưỡng cả 02 người chung của anh L HĐXX xét thấy; Hiện cháu Phan Huỳnh A đang do anh L nuôi dưỡng. Hơn nữa; tại phiên tòa cháu Huỳnh Anh có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với cha khi cha mẹ ly hôn và việc anh L yêu cầu nuôi dưỡng cháu Huỳnh Anh cũng được chị N đồng ý, xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự nên cần thiết ghi nhận.

Do đó, HĐXX thống nhất giao cháu Phan Huỳnh A, sinh ngày 28/8/2009 cho anh Phan Văn L và giao cháu Phan Huỳnh Đ, sinh năm 23/02/2017 cho chị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N và anh L đều trình bày anh chị có đủ khả năng nuôi dưỡng các con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

[2.3] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự đều xác nhận là không tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, HĐXX miễn xét. Sau này có phát sinh tranh chấp thì đương sự có quyền khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác.

[3] Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở nên được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Huỳnh N được ly hôn với anh Phan Văn L.

2/ Về quan hệ con chung: Giao cháu Phan Huỳnh A, sinh ngày 28/8/2009 cho anh Phan Văn L và giao cháu Phan Huỳnh Đ, sinh năm 23/02/2017 cho chị Huỳnh N được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Không xét.

Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian anh L và chị N nuôi con; anh chị được quyền đến thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3/ Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4/ Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000226 ngày 02/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị N không phải nộp thêm, anh L không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/02/2024).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Diệp